TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1205/2024/DS-ST
Ngày: 25/9/2024
V/v "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Ngọc Lước.
2. Ông Nguyễn Văn Thịnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh*:* Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0631/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 05 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 08 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2024/QĐHPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.
Trụ sở: 266-268 Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: ông Thân Lê N, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: 278 Đường M, phường N, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Giấy ủy quyền số 2574/2024/UQ-TGĐ ngày 25/04/2024)

Bị đơn: Ông Tô Kim B, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: 181/37/5 Đường X, Phường Y quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 05 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thân Lê N (viết tắt là ông N) đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (viết tắt là ngân hàng) trình bày:

Ngày 19/04/2018, ông Tô Kim B (viết tắt ông B) có ký với ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể: Số thẻ: 436438 – 1092.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.505.800 (Năm mươi tám triệu năm trăm không năm ngàn tám trăm) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.945.000 (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Số tiền tại thời điểm này là 58.545.381 (Năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi năm ngàn ba trăm tám mươi một) đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 25/9/2024 (kèm bản sao kê), ông B còn nợ Ngân hàng với số tiền là 189.452.261 (Một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng, trong đó: nợ gốc: 58.545.381 (Năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi năm ngàn ba trăm tám mươi một) đồng. Lãi quá hạn: 130.906.880 (Một trăm ba mươi triệu chín trăm không sáu ngàn tám trăm tám mươi) đồng và ông B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông N giữ nguyên yêu cầu đã trình bày, có đơn xin vắng mặt..

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông B không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân được ký ngày 19/04/2018 giữa ông B với Ngân hàng thể hiện ông B được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng. Số thẻ: 436438 – 1092. Hạn mức 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông B thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2024 (kèm bản sao kê), ông B còn nợ Ngân hàng 189.452.261 (Một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng, trong đó: nợ gốc: 58.545.381 (Năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi năm ngàn ba trăm tám mươi một) đồng. Lãi quá hạn: 130.906.880 (Một trăm ba mươi triệu chín trăm không sáu ngàn tám trăm tám mươi) đồng và ông B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Do ông B không thực hiện nghĩa vụ, xâm phạm đến lợi ích nguyên đơn, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 19/04/2018 được ký giữa ông B với Ngân hàng, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định ông B có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh ngày 10 tháng 06 năm 2024 của Công an Phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: ông Tô Kim B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 181/37/5 Đường X, Phường Y quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện ông B không thực tế cư trú tại địa phường, không rõ đi đâu, làm gì, không liên lạc được. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP – TANDTC. Do ông B cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với ông B, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho ông B để ghi tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông B vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân được ký giữa ông B với nguyên đơn ngày 19/04/2018, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

thể hiện: ông B được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng. Số thẻ: 436438 – 1092. Hạn mức 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.945.000 (Mười ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Ngày 16/01/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền tại thời điểm này là 58.545.381 (Năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi năm ngàn ba trăm tám mươi một) đồng sang quá hạn, làm nợ gốc.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông B phải trả số tiền tạm tính đến 25/9/2024 (kèm bản sao kê), ông B còn nợ Ngân hàng với số tiền là 189.452.261 (Một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng, trong đó: nợ gốc: 58.545.381 (Năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi năm ngàn ba trăm tám mươi một) đồng. Lãi quá hạn: 130.906.880 (Một trăm ba mươi triệu chín trăm không sáu ngàn tám trăm tám mươi) đồng và ông B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 19; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP – TANDTC;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S:.

Buộc ông Tô Kim B phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S số tiền là 189.452.261 (Một trăm tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng, trong đó: nợ gốc: 58.545.381 (Năm mươi tám triệu năm trăm bốn mươi năm ngàn ba trăm tám mươi một) đồng. Lãi quá hạn: 130.906.880 (Một trăm ba mươi triệu chín trăm không sáu ngàn tám trăm tám mươi) đồng.

Kể từ ngày 26/9/2024 cho đến khi thi hành xong, ông Tô Kim B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 19/04/2018

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tô Kim B phải chịu 9.472.613 (Chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm mười ba) đồng.

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.491.000 (Bốn triệu bốn trăm chín mươi một ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0029556 ngày 28 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND Q.PN;
-CCTHADS Q.PN;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng